

CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

-----***-----

Số: 08/2024/CBTT-TNI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Mã chứng khoán: TNI

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 Đường Mỹ
Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 37871397

Fax:

Người thực hiện công bố thông tin: Đoàn Thị Thu Thủy

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0335724136

Loại thông tin công bố ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

***Công ty cổ phần Tập đoàn Thành Nam công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất năm
2023 kèm theo công văn giải trình báo cáo tài chính***

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 23/01/2024
tại đường dẫn của Công ty: <https://thanhnamgroup.com.vn/>

Tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm
trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nội dung thông tin cần công bố và
các tài liệu có liên quan

Người được ủy quyền công bố thông tin
(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Đoàn Thị Thu Thủy

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05 - 32
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) lập và trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101515686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18 tháng 05 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

▪ Ông Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch kiêm đại diện pháp luật
▪ Bà Trần Thị Hương Giang	Thành viên
▪ Bà Đoàn Thị Thu Thủy	Thành viên
▪ Bà Phạm Thúy Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2023)
▪ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2023)
▪ Bà Vũ Lan Phương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2023)
▪ Ông Trần Trọng Nam	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2023)

Ban Tổng Giám đốc

▪ Bà Đoàn Thị Thu Thủy	Tổng Giám đốc
▪ Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/01/2023 & Miễn nhiệm ngày 22/03/2023)

Ban kiểm soát

▪ Bà Nguyễn Huyền Trang	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 26/04/2023)
▪ Bà Nguyễn Thị Trang	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 26/04/2023)
▪ Bà Đỗ Thanh Thủy	Thành viên
▪ Bà Mạc Thị Lan	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26/04/2023)
▪ Bà Nghiêm Thị Tuyết Thi	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 26/04/2023)

Kế toán trưởng

▪ Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Kế toán trưởng
--------------------------	----------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành Công ty cam kết trách nhiệm về tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024



Số: 09NV2/2024/ASCO/BCKiT/BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam được lập ngày 22 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 – Phải thu ngắn hạn của khách hàng, theo nghị quyết số 3112/2023/NQ-HĐQT-TNI ngày 31/12/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty, Chủ tịch HĐQT thay mặt Ban điều hành của Công ty cam kết chịu trách nhiệm đối với các khoản phải thu còn lại của Asian Impex Co., Ltd và Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại SIP trong giai đoạn từ 2024 - 2026 và có phương án xử lý nợ nếu không thể thu hồi được như sau:

- Sử dụng nguồn tài chính của cá nhân (bao gồm: Cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam, tài sản cá nhân hoặc tài sản thích hợp tại thời điểm thanh toán) để bù đắp tổn thất;
- Tích cực tìm kiếm các khách hàng, phát triển Công ty nhằm tạo ra lợi nhuận để bù đắp các tổn thất tài chính đã có.

Vấn đề nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng tới ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO



Phạm Ngọc Quân

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
4493-2024-149-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Phan Đình Dũng

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4557-2024-149-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		600.317.245.795	616.843.295.292
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.513.239.179	18.168.440.201
111	1. Tiền		9.513.239.179	18.168.440.201
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		9.341.701.540	9.064.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	9.341.701.540	9.064.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		298.349.812.026	363.692.050.681
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	256.289.774.819	227.862.618.676
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	74.192.650.737	19.444.725.008
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	14.668.116.585	157.405.430.066
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(46.800.730.115)	(41.020.723.069)
140	IV. Hàng tồn kho	9	282.529.068.807	225.418.185.102
141	1. Hàng tồn kho		282.529.068.807	230.034.965.823
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(4.616.780.721)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		583.424.243	500.619.308
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		583.424.243	500.619.308
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		304.088.930.178	318.817.192.189
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		94.171.486.110	100.393.113.960
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	94.072.874.101	100.129.927.495
222	Nguyên giá		128.481.886.475	125.863.268.057
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.409.012.374)	(25.733.340.562)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	98.612.009	263.186.465
228	Nguyên giá		1.145.540.440	1.145.540.440
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.046.928.431)	(882.353.975)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	1.721.628.672
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	1.721.628.672
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		204.022.036.711	210.000.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	13	204.022.036.711	210.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.895.407.357	6.702.449.557
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		385.977.357	376.432.231
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	198.707.326
269	3. Lợi thế thương mại	12	5.509.430.000	6.127.310.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		904.406.175.973	935.660.487.481

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		373.003.574.394	404.372.318.898
310	I. Nợ ngắn hạn		346.416.657.813	338.529.649.161
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	62.374.166.714	52.645.990.025
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.305.067.424	474.130.283
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	15.950.785.931	31.568.746.511
314	4. Phải trả người lao động		384.466.158	304.511.600
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		661.146.721	944.127.239
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	4.880.000	5.406.200
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	263.379.716.934	251.230.309.372
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.356.427.931	1.356.427.931
330	II. Nợ dài hạn		26.586.916.581	65.842.669.737
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	-	30.300.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	26.500.040.517	35.542.669.737
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		86.876.064	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		531.402.601.579	531.288.168.583
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	531.402.601.579	531.288.168.583
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		525.000.000.000	525.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		525.000.000.000	525.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.811.400.000	3.811.400.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		4.180.283.793	4.180.283.793
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(7.690.931.956)	(7.586.254.278)
421a	- LNST lũy kế đến cuối năm trước		(7.949.993.628)	(10.385.033.606)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		259.061.672	2.798.779.328
429	5. Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát		6.101.849.742	5.882.739.068
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		904.406.175.973	935.660.487.481

Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	20	761.387.124.989	1.710.499.476.186
02	2. Các khoản giảm trừ		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		761.387.124.989	1.710.499.476.186
11	4. Giá vốn hàng bán	21	709.063.213.825	1.575.708.876.966
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ		52.323.911.164	134.790.599.220
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1.515.163.669	1.495.784.692
22	7. Chi phí tài chính	22	28.718.033.279	24.597.332.709
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		24.306.612.166	24.261.700.618
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(5.977.963.289)	-
25	9. Chi phí bán hàng	23	5.336.181.546	22.227.147.135
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	18.131.455.158	54.177.609.779
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.324.558.439)	35.284.294.289
31	12. Thu nhập khác	24	5.364.579.951	29.767
32	13. Chi phí khác	24	474.973.102	5.223.717.505
40	14. Lợi nhuận khác		4.889.606.849	(5.223.687.738)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		565.048.410	30.060.606.551
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	-	27.255.429.464
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		86.876.064	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		478.172.346	2.805.177.087
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		259.061.672	2.803.606.956
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		219.110.674	1.570.131
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19		53
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19		53

Khánh

Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Ngày 22 tháng 03 năm 2024

Khánh

Nguyễn Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã Số	CHỈ TIÊU	TM	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		565.048.410	30.060.606.551
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.840.246.268	1.580.499.746
03	- Các khoản dự phòng		5.780.007.046	45.410.804.235
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái		(1.840.233.777)	(863.227.763)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(649.354.329)	(115.877.772.152)
06	- Chi phí lãi vay		24.306.612.166	24.261.700.618
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		37.002.325.784	(15.427.388.765)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		63.446.861.897	269.786.137.422
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(53.883.602.984)	17.804.567.699
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(19.954.067.571)	(79.748.235.310)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(212.708.092)	(488.457.069)
14	- Lãi tiền vay đã trả		(24.589.592.684)	(24.124.438.342)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(13.078.817.331)	(157.995.780)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	(204.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.269.600.981)	167.440.189.855
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác		(265.196.695)	(2.301.562.142)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác		-	267.306.987.460
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.294.128.330)	(7.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9.016.426.790	6.300.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(333.656.054.296)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	20.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.513.424	1.925.982.500
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(506.384.811)	(47.424.646.478)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		606.486.184.403	728.565.583.171
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(603.379.406.061)	(837.869.308.507)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.106.778.342	(109.303.725.336)
50	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(8.669.207.450)	10.711.818.041
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	3	18.168.440.201	7.459.549.765
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		14.006.428	(2.927.605)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	9.513.239.179	18.168.440.201


Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 03 năm 2024


Nguyễn Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101515686 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 18 tháng 05 năm 2023.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 525.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

Lĩnh vực kinh doanh và Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty:

- Buôn bán máy móc, thiết bị vật tư công nghiệp, cơ kim khí và xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, khai thác cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa;
- Xây dựng các công trình xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Buôn bán ô tô, xe máy;
- Đại lý môi giới, đấu giá, môi giới thương mại, đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống;
- Buôn bán các loại sắt thép;
- Sản xuất gia công các loại sản phẩm cơ khí.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty được thực hiện trong thời gian 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 26 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 31 người).

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2023, Công ty gồm các công ty con, Công ty liên kết với các thông tin dưới đây:

	Tên đơn vị	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu & Biểu quyết	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân	Thôn Đồng Âm, Xã Đông Xuân, Huyện Quốc Oai, Tp. Hà Nội	Thương mại và sản xuất điện	95%	Công ty con trực tiếp
2	Chi Nhánh tại Phú Yên - Công ty Cổ phần Trang trại và Năng lượng Đông Xuân	Thôn Hào Danh, Xã Xuân Thọ 2, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện	95%	CN độc lập của công ty con
3	Công ty TNHH Điện Áp Mái Việt Nam	Thôn Suối Cối 1, Xã Xuân Quang 1, Huyện Đông Xuân, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
4	Công ty TNHH Green Solar Việt Nam	Thôn Hào Danh, Xã Xuân Thọ 2, Thị Xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
5	Công ty TNHH Hệ thống Điện Áp Mái	Thôn Phong Hậu, Xã Hòa Hội, Huyện Phú Hòa, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
6	Công ty TNHH Năng lượng Thiên Hà Xanh	Thôn Hào Danh, Xã Xuân Thọ 2, Thị Xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
7	Công ty TNHH Năng lượng Xanh Thế giới	Thôn Hào Danh, Xã Xuân Thọ 2, Thị Xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
8	Công ty TNHH Sản xuất Năng lượng Điện Mặt Trời	Thôn Hào Danh, Xã Xuân Thọ 2, Thị Xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên	Sản xuất điện	95%	Công ty con gián tiếp
9	Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	Đường Hạ Long, Khu 4, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Dịch vụ lưu trú	30%	Công ty liên kết

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng trong Công ty mẹ thì báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất hoặc trong trường hợp không điều chỉnh thì mức ảnh hưởng là không trọng yếu.

Các giao dịch và số dư phát sinh từ các giao dịch giữa các công ty được loại trừ toàn bộ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

2.6. Nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.8. Tài sản cố định và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

2.9. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá.

Bất động sản đầu tư cho thuê/nắm giữ chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế/tổn thất do suy giảm giá trị. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc lắp đặt tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Vay và nợ thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà Công ty đã thu và các khoản phạt vi phạm hợp đồng chắc chắn thu được (ngoại trừ khoản phạt về bản chất là giảm giá hàng mua, giảm thanh toán).

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% cho năm tài chính 2023.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2.19. Ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:
- + Khi ghi nhận khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

- Khi ghi nhận các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính;
- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Áp dụng tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này. Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	8.090.240.889	6.649.110.640
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.422.998.290	11.519.329.561
Cộng	9.513.239.179	18.168.440.201

4. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	9.341.701.540	9.341.701.540	9.064.000.000	9.064.000.000
Cộng	9.341.701.540	9.341.701.540	9.064.000.000	9.064.000.000

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06-12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam với lãi suất từ 4,3% - 8,2%/năm; Các khoản tiền gửi này đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Công ty con tại Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản và Xây dựng Kinh Bắc	9.220.920.761	-	43.021.956.308	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại An Thuận	56.227.496.483	-	33.028.266.439	-
Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại An	15.801.687.629	-	13.739.662.456	-
Asian Impex Ltd (i)	46.305.195.686	31.123.114.862	45.428.688.227	25.343.107.816
Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đại Phát	42.191.396.272	-	11.938.226.858	-
Công ty TNHH Phương Nhật Quân	273.000.000	-	27.726.205.600	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại SIP (ii)	31.355.230.505	15.677.615.253	31.355.230.505	15.677.615.253
Công ty TNHH Thương mại Tư vấn C.H	-	-	8.067.626.435	-
Công ty TNHH Dầu Khí La Giang	-	-	7.478.659.031	-
Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Nam Thăng Long	13.479.724.058	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nông nghiệp sạch Đồng Bắc	6.340.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Hà Lan	11.791.800.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Phù Đồng	18.454.400.000	-	-	-
Công ty khác	4.848.923.425	-	6.078.096.817	-
Cộng	256.289.774.819	46.800.730.115	227.862.618.676	41.020.723.069

(i) Khoản phải thu từ Asia Impex Co., Ltd. cho các hợp đồng cung cấp thép các loại. Ban Điều hành Công ty đánh giá khả năng thu hồi và tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi với là 31.123.114.862 VND.

(ii) Khoản phải thu từ Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại SIP cho các hợp đồng cung cấp thép trong năm 2021; Theo các hợp đồng được ký giữa 2 bên, thời hạn thanh toán của các khoản nợ sẽ phải thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn GTGT, theo đó khoản Công nợ của SIP đã quá hạn từ 1-2 năm. Ban Điều hành Công ty đánh giá khả năng thu hồi và tiến hành trích lập dự phòng 50% khoản phải thu: 15.677.615.353 VND.

Theo nghị quyết số 3112/2023/NQ-HĐQT-TNI ngày 31/12/2023 của Hội đồng Quản trị Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Ban Điều hành đã cam kết chịu trách nhiệm về công nợ còn lại trên trong giai đoạn từ 2024 – 2026, trong trường hợp không thể thu hồi thì sẽ bù đắp bằng các biện pháp:

- Sử dụng nguồn tài chính của các cá nhân có liên quan (bao gồm: Cổ phần tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam, tài sản cá nhân hoặc tài sản thích hợp tại thời điểm thanh toán) để bù đắp tổn thất;
- Tích cực tìm kiếm các khách hàng, phát triển Công ty nhằm tạo ra lợi nhuận để bù đắp các tổn thất tài chính đã có.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6. NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại SIP Asian Impeex Co., Ltd	31.355.230.505	15.677.615.252	31.355.230.505	15.677.615.252
	45.477.212.782	14.354.097.920	45.428.688.227	20.085.580.411
Cộng	76.832.443.287	30.031.713.172	76.783.918.732	35.763.195.663

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên thứ ba Công ty TNHH MTV Thương mại Thép Việt Công ty Cổ phần Quốc tế Đông Á Công ty TNHH MTV Sản xuất Thép Miền Nam Công ty TNHH Tư vấn và Thương mại Đông Á Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Phát triển Hạ tầng Việt Nam Trả trước người bán khác	36.667.652.303	-	-	-
	8.330.374.809	-	8.434.080.092	-
	-	-	4.662.247.179	-
	8.034.425.203	-	-	-
	7.965.574.797	-	-	-
	778.867.954	-	1.478.123.713	-
Bên liên quan Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	12.415.755.671	-	4.870.274.024	-
	74.192.650.737	-	19.444.725.008	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên thứ ba				
Ký cược, ký quỹ	225.400.000	-	493.986.780	-
Tạm ứng	5.500.000	-	-	-
Các khoản khác	177.216.585	-	741.443.286	-
Bên liên quan				
Ông Nguyễn Hùng Cường (i)	-	-	117.100.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Thu (ii)	14.260.000.000	-	19.070.000.000	-
Nguyễn Thị Thu Hằng	-	-	20.000.000.000	-
Cộng	14.668.116.585	-	157.405.430.066	-

(i) Theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐQT-TNI ngày 09/04/2021, Công ty ủy quyền và giao cho ông Nguyễn Hùng Cường thực hiện thủ tục và ký kết các giấy tờ liên quan đến việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với Thửa đất số 12 và Thửa đất số 16, tờ bản đồ K11 tại xóm Đồng Bền, xã Đông Xuân, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (nay là huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội). Theo nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐQT-TNI ngày 15/12/2022; quyết định thu hồi toàn bộ nguồn vốn trên do không hoàn thiện được thủ tục pháp lý liên quan đến lô đất trên.

(ii) Khoản cho ông Nguyễn Xuân Thu vay theo các hợp đồng vay trong năm 2023 với lãi suất 0%/năm, thời hạn đến hết năm 2024 và không tài sản đảm bảo.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công cụ dụng cụ	2.963.191.923	-	3.646.773.164	-
Hàng hóa	279.565.876.884	-	226.388.192.659	4.616.780.721
Cộng	282.529.068.807	-	230.034.965.823	4.616.780.721

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Công
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2023	12.719.911.493	105.681.005.783	6.165.641.493	1.296.709.288	125.863.268.057
Mua sắm	385.554.726	-	-	-	385.554.726
XDCB hoàn thành	843.563.692	1.389.500.000	-	-	2.233.063.692
31/12/2023	13.949.029.911	107.070.505.783	6.165.641.493	1.296.709.288	128.481.886.475
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2023	4.296.235.262	16.895.573.965	3.611.047.417	930.483.918	25.733.340.562
Khấu hao	7.464.282.450	666.007.614	353.177.904	192.203.844	8.675.671.812
31/12/2023	11.760.517.712	17.561.581.579	3.964.225.321	1.122.687.762	34.409.012.374
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2023	8.423.676.231	88.785.431.818	2.554.594.076	366.225.370	100.129.927.495
31/12/2023	2.188.512.199	89.508.924.204	2.201.416.172	174.021.526	94.072.874.101

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 3.080.006.065 VND (tại ngày 31/12/2022 là 3.080.006.065 VND).

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Nhãn hiệu Tên thương mại VND	Phần mềm Máy tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2023	49.100.000	1.096.440.440	1.145.540.440
Tăng trong năm	-	-	0
31/12/2023	49.100.000	1.096.440.440	1.145.540.440
HAO MÒN LŨY KẾ			
01/01/2023	28.641.670	853.712.305	882.353.975
Khấu hao	4.091.664	160.482.792	164.574.456
31/12/2023	32.733.334	1.014.195.097	1.046.928.431
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2023	20.458.330	242.728.135	263.186.465
31/12/2023	16.366.666	82.245.343	98.612.009

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 352.224.440 VND (tại ngày 31/12/2022 là 352.224.440 VND).

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Lợi thế thương mại đầu kỳ	6.127.310.000	-
Lợi thế thương mại phát sinh trong kỳ	-	6.178.800.000
Phân bổ lợi thế thương mại	(617.880.000)	(51.490.000)
Lợi thế thương mại cuối kỳ	5.509.430.000	6.127.310.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mỹ Trì, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá xác định lại theo phương pháp vốn chủ	Giá gốc	Giá xác định lại theo phương pháp vốn chủ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long	210.000.000.000	204.022.036.711	210.000.000.000	210.000.000.000
Cộng	210.000.000.000	204.022.036.711	210.000.000.000	210.000.000.000

Công ty cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long kinh doanh trong lĩnh vực khách sạn và sở hữu khách sạn Vườn Đào tại địa chỉ: Phố Vườn Đào Bãi Cháy, Thành Phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn Đào Hạ Long đang tạm dừng hoạt động để sửa chữa và nâng cấp.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên thứ ba				
Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	29.908.168.186	29.908.168.186	29.906.319.033	29.906.319.033
Global Posco Co., Ltd	-	-	19.247.249.672	19.247.249.672
Công ty TNHH MTV Thương mại Cửu Long	13.055.887.500	13.055.887.500	-	-
Sinomaterial International Co., Ltd	18.727.273.730	18.727.273.730	-	-
Phải trả người bán khác	682.837.298	682.837.298	3.492.421.320	3.492.421.320
Các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	61.600.000	61.600.000	133.056.000	133.056.000
Cộng	62.374.166.714	62.374.166.714	52.645.990.025	52.645.990.025

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2023		31/12/2023	
	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
	-	-	70.270.738.893	-
	-	-	70.270.738.893	-
Thuế giá trị gia tăng	-	769.577.267	-	1.563.989.440
Thuế giá trị gia tăng hàng NK	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	27.255.429.464	-	14.189.376.911
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.999.757.000	-	197.419.580
Các khoản phí, lệ phí	-	1.543.982.780	-	-
Cộng	-	31.568.746.511	-	15.950.785.931

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.880.000	5.406.200
Cộng	4.880.000	5.406.200
Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ACE Thái Bình Dương	-	30.300.000.000
Cộng	-	30.300.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Ngắn hạn

Vay ngắn hạn ngân hàng

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -
CN Thanh Xuân (*)

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Thủ
Đô (**)

Nợ dài hạn đến hạn trả

Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (***)

Vay cá nhân ngắn hạn

Ông Nguyễn Xuân Thu

Dài hạn

01/01/2023		Phát sinh trong kỳ		31/12/2023	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND	VND	VND
118.698.436.626	118.698.436.626	377.749.715.992	352.090.561.121	144.357.591.497	144.357.591.497
119.939.213.826	119.939.213.826	228.736.468.411	238.696.215.720	109.979.466.517	109.979.466.517
9.042.658.920	9.042.658.920	9.042.629.220	9.042.629.220	9.042.658.920	9.042.658.920
3.550.000.000	3.550.000.000	-	3.550.000.000	-	-
251.230.309.372	251.230.309.372	615.528.813.623	603.379.406.061	263.379.716.934	263.379.716.934

01/01/2023		Phát sinh trong kỳ		31/12/2023	
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
VND	VND	VND	VND	VND	VND
35.542.669.737	35.542.669.737	-	9.042.629.220	26.500.040.517	26.500.040.517
35.542.669.737	35.542.669.737	-	9.042.629.220	26.500.040.517	26.500.040.517

Ngân hàng TMCP Quân đội Việt Nam (***)

(*) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1061128/HĐTHM ngày 31/07/2023, hạn mức cấp tín dụng là 171.000.000.000 VNĐ, trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, dư bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu bộ chứng từ của khách hàng tại Ngân hàng được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1061128/HĐTDHM ký ngày 05/07/2022. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký. Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Khoản vay được bảo đảm bởi Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BG992089 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đà Nẵng cấp cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Thăng Long ngày 04/10/2011. Giá trị tài sản thế chấp là 220.512.000.000 VND.

(**) Khoản vay theo Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/201901276262/L1 ngày 23/10/2023 của hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 201901276262/L1 ngày 28/09/2022, hạn mức cấp tín dụng là 110.000.000.000 VND, trong đó đã bao gồm toàn bộ cho vay, bảo lãnh ngân hàng, chiết khấu, bao thanh toán, tín dụng thư (LC), thấu chi và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày thỏa thuận được ký. Lãi suất vay được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ. Mục đích bổ sung vốn lưu động.

Khoản vay được bảo đảm bởi các tài sản đảm bảo của Công ty và Bên thứ ba đã được quy định trong hợp đồng cấp tín dụng như sau:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số AH196361 do UBND Huyện Quốc Oai cấp ngày 30/09/2008 cho bà Đinh Thị Thọ, đã sang tên chuyển nhượng cho Ông Nguyễn Hùng Cường ngày 20/01/2022. Giá trị tài sản thế chấp là 8.935.000.000 VND.
- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BA64574 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 25/11/2010 cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Trang, đã sang tên chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh ngày 17/01/2017. Giá trị tài sản thế chấp là 126.264.000.000 VND.

(***) Đây là các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam của Công ty Cổ phần Trang Trại và Năng lượng Đông Xuân và các Công ty điện (Công ty con); Mục đích vay để đầu tư các dự án điện mặt trời áp mái mà các công ty này sở hữu. Thời hạn vay tối đa 84 tháng; Lãi suất thả nổi tùy vào từng thời điểm; Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay (dự án điện) và các quyền đòi nợ phát sinh với các Công ty Điện lực địa phương.

Lịch trả nợ của các khoản nợ dài hạn

Trong vòng 1 năm
Năm thứ 2
năm thứ 3-5

31/12/2023	01/01/2023
VND	VND
9.042.658.920	9.042.658.920
9.042.658.920	9.042.658.920
17.457.381.597	26.500.010.817
35.542.699.437	44.585.328.657



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH NAM

Tầng 3 Tháp A Tòa nhà văn phòng Golden Palace, số 99 đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì
Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	(Lỗ) lũy kế	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2022	525.000.000.000	3.811.400.000	4.180.283.793	-	(10.217.720.433)	522.773.963.360
Hợp nhất báo cáo	-	-	-	5.881.168.937	(172.140.801)	5.709.028.136
Lãi trong kỳ	-	-	-	1.570.131	2.803.606.956	2.805.177.087
Số dư tại 31/12/2022	525.000.000.000	3.811.400.000	4.180.283.793	5.882.739.068	(7.586.254.278)	531.288.168.583
Số dư tại 01/01/2023	525.000.000.000	3.811.400.000	4.180.283.793	5.882.739.068	(7.586.254.278)	531.288.168.583
Lãi trong kỳ	-	-	-	219.110.674	259.061.672	478.172.346
Giảm khác	-	-	-	-	(363.739.350)	(363.739.350)
Số dư tại 31/12/2023	525.000.000.000	3.811.400.000	4.180.283.793	6.101.849.742	(7.690.931.956)	531.402.601.579
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành					31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng					(Cổ phiếu)	(Cổ phiếu)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>					52.500.000	52.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành					52.500.000	52.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>					52.500.000	52.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND)					10.000	10.000

Lãi cơ bản trên cổ phiếu/Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	259.061.672	2.803.606.956
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	52.500.000	52.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	5	53

Lãi suy giảm trên cổ phiếu: Bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu do Công ty không có kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu.

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
- Đồng Đô la Mỹ	513,27	618,20

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán thương mại	743.252.384.337	1.417.615.239.948
- <i>Thép các loại</i>	654.912.642.137	1.417.615.239.948
- <i>Nông sản các loại</i>	88.339.742.200	-
Doanh thu hoạt động bán điện	18.134.740.652	901.508.965
Doanh thu bất động sản đầu tư	-	291.947.727.273
Doanh thu khác	-	35.000.000
Cộng	761.387.124.989	1.710.499.476.186
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	761.387.124.989	1.710.499.476.186

21. GIÁ VỐN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa thương mại	702.645.291.023	1.413.070.743.829
- <i>Thép các loại</i>	616.314.941.023	1.413.041.283.829
- <i>Nông sản các loại</i>	86.330.350.000	29.460.000
Giá vốn hoạt động bán điện	6.417.922.802	455.612.603
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	-	157.565.739.813
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	4.616.780.721
Cộng	709.063.213.825	1.575.708.876.966

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi chênh lệch tỷ giá	865.809.340	864.330.238
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	649.354.329	631.454.454
Cộng	1.515.163.669	1.495.784.692
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	24.306.612.166	24.261.700.618
Trong đó:		
<i>Lãi vay từ các hợp đồng tín dụng</i>	<i>24.306.612.166</i>	<i>24.261.700.618</i>
<i>Lãi vay từ các hoạt động khác</i>	<i>4.351.733.584</i>	-
Chi phí tài chính khác	59.687.529	335.632.091
Cộng	28.718.033.279	24.597.332.709

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí bán hàng	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	853.044.012	219.714.850
Chi phí dụng cụ đồ dùng	132.052.103	-
Chi phí khấu hao tài sản	936.359.355	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.376.646.019	2.007.432.285
Chi phí khác	38.080.057	20.000.000.000
Cộng	5.336.181.546	22.227.147.135
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.192.008.763	3.504.811.883
Chi phí vật liệu quản lý	2.709.000	204.561.085
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.386.299.654	1.211.470.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.493.678.367	1.580.499.746
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	5.780.007.046	40.860.926.339
Các khoản thuế, phí và lệ phí	16.620.000	2.240.282.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.176.113.623	3.641.095.012
Chi phí bằng tiền khác	1.084.018.705	933.962.373
Cộng	18.131.455.158	54.177.609.779

24. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thỏa thuận xóa nợ	5.078.501.161	-
Các khoản khác	286.078.790	29.767
Cộng	5.364.579.951	29.767

Khoản thu từ việc được xử lý công nợ theo biên bản đối chiếu và xử lý công nợ ngày 01/11/2023 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam và Global Posco Co.,Ltd. Hai bên thống nhất Global Posco Co.,Ltd xóa nợ với Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Nam với số tiền là 205.690,61 USD, tương đương với giá trị quy đổi là 5.078.501.161 VND.

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	120.000.000	5.223.691.266
Các khoản khác	354.973.102	26.239
Cộng	474.973.102	5.223.717.505

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	6.045.052.775	3.724.526.733
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	1.521.060.757	1.416.031.687
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.840.246.268	1.580.499.746
Thuế và các khoản lệ phí	16.620.000	2.240.282.739
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.560.473.898	5.648.527.297
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	157.565.739.813
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	4.616.780.721
Dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng tổn thất tài chính	5.780.007.046	40.860.926.339
Chi phí khác bằng tiền	1.122.098.762	20.933.962.373
Cộng	29.885.559.506	238.587.277.448

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	565.048.410	30.060.606.551
Điều chỉnh các khoản tăng lợi nhuận	7.797.997.062	3.128.596.878
<i>Các khoản chênh lệch vĩnh viễn</i>	<i>7.070.816.391</i>	<i>5.223.691.266</i>
Chi phí không được khấu trừ (các khoản phạt)	236.396.963	5.223.691.266
Lãi/lỗ do hợp nhất	6.595.843.289	-
Các khoản khác	238.576.139	-
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	<i>727.180.671</i>	<i>(2.095.094.388)</i>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện kỳ này	(1.367.913.667)	(2.095.094.388)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện kỳ trước	2.095.094.338	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh	8.363.045.472	33.189.203.429
Thu nhập tính thuế		
<i>Tại Công ty con</i>		
Lợi nhuận được miễn thuế tại Công ty con	4.637.697.209	165.709.777
Lợi nhuận chịu thuế tại Công ty con	307.711.799	(97.073.948)
Chuyển lỗ tại Công ty con	(307.711.799)	-
<i>Tại Công ty mẹ</i>		
Kết quả kinh doanh từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	-	114.381.987.460
Kết quả kinh doanh thông thường	2.983.256.143	(81.172.696.646)
Chuyển lỗ tại Công ty mẹ	(2.983.256.143)	-
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	22.876.397.492
Truy thu thuế TNDN kỳ trước	-	4.379.031.972
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	-	27.255.429.464

27. GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty trong năm và tại ngày 31/12/2023 gồm:

- Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát;
- Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh – Cùng Chủ tịch hội đồng quản trị;
- Công ty Cổ phần Khách sạn Vườn đào Hạ Long – Công ty liên kết;
- Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn – Giám đốc là người liên quan của Tập đoàn;
- Các cá nhân liên quan của người liên quan của Công ty.

Số dư với bên liên quan – Xem chi tiết tại các thuyết minh

- Thuyết minh số 7 – Trả trước cho người bán ngắn hạn;
- Thuyết minh số 8 – Phải thu ngắn hạn khác;
- Thuyết minh số 13 – Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh;
- Thuyết minh số 14 – Phải trả người bán ngắn hạn;
- Thuyết minh số 17 – Vay và nợ thuê tài chính.

Giao dịch với bên liên quan

Mua hàng hóa dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	95.779.359.052	374.394.565.978
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	1.485.982.897	1.846.400.000

Bán hàng

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thép Sài Gòn	11.754.651.436	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Anh	14.966.769.402	-

Giao dịch khác

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Ông Nguyễn Hùng Cường		
Tạm ứng	-	134.780.000.000
Thu tiền tạm ứng	(117.100.000.000)	(149.928.500.000)
Bà Trần Thị Hương Giang		
Tạm ứng	-	20.000.000
Bà Đoàn Thị Thu Thủy		
Tạm ứng	-	735.000.000
Thu tiền tạm ứng	-	510.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng (đã miễn nhiệm)		
Tạm ứng	200.000.000	9.853.000.000
Thu tiền tạm ứng	200.000.000	9.853.000.000

Tài sản của các bên liên quan sử dụng để thế chấp cho các khoản vay:

Chi tiết xem tại Thuyết minh số 17 – Vay và nợ thuê tài chính.

Thu nhập của Ban điều hành trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Ông Nguyễn Hùng Cường	1.048.337.500	456.386.500
Bà Đoàn Thị Thu Thủy	152.984.000	275.970.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng (đã miễn nhiệm)	134.740.000	235.395.000
Bà Trần Thị Hương Giang	384.216.434	210.893.000
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	275.000.000	-
Cộng	1.995.277.934	1.178.644.500

28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh thương mại hàng hóa (Thép các loại và nông sản các loại); Sản xuất điện. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Công ty bán hàng trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong Báo cáo tài chính hợp nhất là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện nào trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần điều chỉnh vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.


Nguyễn Thị Kim Oanh
Người lập biểu

Ngày 22 tháng 03 năm 2024


Nguyễn Thị Kim Oanh
Kế toán trưởng


Nguyễn Hùng Cường
Chủ tịch Hội đồng quản trị

